

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 01/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 1992

THÔNG TƯ
CỦA LIÊN BỘ TỔNG CỤC THỐNG KÊ - TÀI CHÍNH

Hướng dẫn thi hành Nghị định của Hội đồng

Bộ trưởng về xử phạt những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê

Thi hành nghị định 52/HĐBT ngày 19-2-1992 của Hội đồng Bộ trưởng về xử phạt những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê, Liên Bộ Tổng cục Thống kê - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện sai các quy tắc, chế độ kế toán, thống kê của Nhà nước mà chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của Nghị định 52-HĐBT ngày 19 tháng 2 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng phải bị xử phạt hành chính.

2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê.

a) Cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác kế toán, thống kê; công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên có liên quan đến công tác kế toán, thống kê phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra trong lĩnh vực kế toán thống kê. Những người chưa đủ 18 tuổi được thực hiện theo điều 29 của Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính của Hội đồng Nhà nước ngày 30 tháng 11 năm 1989.

b) Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (gọi tắt là tổ chức) phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính do tổ chức gây ra trong lĩnh vực kế toán và thống kê.

c) Cá nhân, tổ chức nước ngoài thuộc đối tượng phải thực hiện công tác kế toán, thống kê theo luật định của Việt Nam nếu vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, thống kê thì bị xử phạt như đối với công dân, tổ chức Việt Nam (trừ trường hợp có quy định riêng của Nhà nước Việt Nam đối với bên nước ngoài).

3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê.

Nguyên tắc xử phạt áp dụng như điều 6 của Pháp lệnh xử phạt hành chính của Hội đồng Nhà nước. Trong lĩnh vực kế toán, thống kê phải chú ý như sau:

a) Hành vi do cá nhân gây ra thì xử phạt cá nhân.

b) Việc vi phạm do tổ chức gây ra thì xử phạt tổ chức. Tổ chức bị xử phạt phải thi hành quyết định xử phạt, đồng thời tiến hành xác định lỗi của từng người trực tiếp gây ra vi phạm hành chính đó để xử lý kỷ luật, trách nhiệm vật chất, trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

4. Các tình tiết giảm nhẹ trong lĩnh vực kế toán và thống kê.

a) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhưng đã ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại.

b) Vi phạm trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt khó khăn.

c) Vi phạm do trình độ bị hạn chế.

5. Các tình tiết tăng nặng trong lĩnh vực kế toán và thống kê.

a) Vi phạm có tổ chức.

b) Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm.

c) Vi phạm gây thiệt hại lớn về tài sản.

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm.

e) Lợi dụng hoàn cảnh thiên tai, dịch bệnh, dịch họa để vi phạm.

g) Vi phạm trong thời gian đang chấp hành quyết định xử phạt hành chính và trong thời gian từ khi lập xong biên bản xử phạt đến khi ra quyết định xử phạt hành chính.

h) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

6. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê.

a) Sự kiện bất ngờ, tình thế cấp thiết do thiên tai, dịch họa gây ra mà cá nhân, tổ chức không thể thấy trước hoặc buộc phải hành động để ngăn chặn nguy cơ thực tế làm tổn hại tới lợi ích

chung, với điều kiện thiệt hại do vi phạm gây ra phải nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

b) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Đó là trường hợp vi phạm đã quá một năm kể từ ngày thực hiện vi phạm hoặc quá ba tháng kể từ ngày có quyết định đình chỉ vụ án hình sự (đối với vụ án bị đình chỉ nhưng hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính).

c) Vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm đã chuyển hồ sơ đến cơ quan có trách nhiệm truy cứu trách nhiệm hình sự.

d) Người thực hiện hành vi vi phạm chưa đủ tuổi để xử phạt theo luật định.

7. Căn cứ để quyết định hình thức và mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê:

- Pháp lệnh kế toán và thống kê ngày 20-5-1988;
- Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính ngày 30-11-1989;
- Nghị định 52-HĐBT ngày 19-2-1992 của Hội đồng Bộ trưởng về xử phạt những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thống kê;
- Các chế độ kế toán và thống kê.

Để quyết định mức xử phạt cụ thể đối với từng hành vi vi phạm được hợp lý, khách quan, người có thẩm quyền xử phạt phải xem xét cân nhắc 3 yếu tố sau:

- a) Tính chất và mức độ vi phạm, mục đích động cơ, thái độ của từng người, tổ chức vi phạm; hậu quả do vi phạm gây ra;
- b) Nhân thân người vi phạm, tức là đặc điểm, về tính cách, quá trình công tác, sức khỏe, lứa tuổi, trình độ, môi trường sống, làm việc;
- c) Các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng trong lĩnh vực kế toán và thống kê.

II. NHỮNG HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Căn cứ vào quy định từ điều 1 đến điều 8 của Nghị định 52-HĐBT, những hành vi vi phạm hành chính, hình thức và mức phạt cụ thể như sau:

1. Vi phạm quy chế ban hành chế độ kế toán và thống kê.

1.1. Các hành vi vi phạm:

- a) Ban hành các chế độ kế toán, thống kê không đúng thẩm quyền (thẩm quyền ban hành chế độ kế toán, thống kê xem phụ lục số 1 kèm theo);
- b) Ban hành các chế độ kế toán, thống kê thuộc thẩm quyền nhưng chưa được Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính thoả thuận bằng văn bản (xem phụ lục số 1 kèm theo);
- c) Yêu cầu cấp dưới phải thực hiện các chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán, biểu mẫu báo cáo kế toán, thống kê, phương án điều tra và phân loại mã hoá sai quy định hiện hành.

1.2. Hình thức và mức phạt:

- a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với các vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần thứ hai thì phạt đến 1.000.000 đồng; nếu có tình tiết tăng nặng hoặc cố ý không sửa chữa kịp thời vi phạm khi đã được cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở thì phạt đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi ghi ở điểm a, mục 1.1 trên.
- b) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với các vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần thứ hai thì phạt đến 800.000 đồng; nếu có tình tiết tăng nặng hoặc cố ý không kịp thời sửa chữa vi phạm khi đã được cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở thì phạt đến 1.800.000 đồng đối với một trong các hành vi ghi ở điểm b, mục 1.1 trên.
- c) Phạt cảnh cáo đối với các vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần thứ hai, thì phạt từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng; nếu có tình tiết tăng nặng hoặc cố ý không kịp thời sửa chữa vi phạm khi đã được cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở thì phạt đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi ghi ở điểm c, mục 1.1 trên.

2. Sử dụng các loại chứng từ, biểu mẫu không hợp lệ.

2.1. Các hành vi vi phạm:

- a) Sử dụng các loại chứng từ, biểu mẫu không đúng mẫu do cơ quan có thẩm quyền ban hành (xem phụ lục 1 kèm theo) để ghi chép các hoạt động kinh tế, tài chính xã hội phát sinh đã quy định phải theo dõi để lập báo cáo kế toán, thống kê;
- b) Sử dụng các loại chứng từ, biểu mẫu mà cơ quan có thẩm quyền ban hành đã bãi bỏ để ghi chép các hoạt động kinh tế, tài chính, xã hội phát sinh, để lập báo cáo kế toán, thống kê.

2.2. Hình thức và mức phạt:

- a) Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với các vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ; nếu vi phạm lần thứ hai thì phạt đến 500.000 đồng; nếu có tình tiết tăng nặng, hoặc đã được

cơ quan có thẩm quyền thông báo đình chỉ sử dụng mà vẫn thực hiện thì phạt đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi ghi ở điểm a, mục 2.1 trên;

b) Phạt cảnh cáo đối với các vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ; nếu vi phạm lần thứ hai thì phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt đến 800.000 đồng đối với một trong các hành vi ghi ở điểm b, mục 2.1 trên.

3. Giả mạo chứng từ, sổ sách, khai man và báo cáo sai số liệu kế toán, thống kê.

3.1. Các hành vi vi phạm:

a) Khai man số liệu và lập báo cáo kế toán, thống kê chính thức sai sự thật.

b) Dùng quyền lực để ép buộc người khác khai man số liệu, hoặc ép buộc người khác lập báo cáo kế toán, thống kê chính thức sai sự thật.

c) Chứng từ kế toán, thống kê được lập nhưng trên thực tế không có hoạt động kinh tế, tài chính và xã hội phát sinh.

d) Giả mạo chữ ký và con dấu trong các chứng từ, báo cáo kế toán, thống kê.

e) Cố ý lập chứng từ kế toán, thống kê sai nội dung kinh tế, tài chính, xã hội phát sinh.

g) Cố ý lập chứng từ kế toán, thống kê không đúng với số lượng, giá trị thực tế hoạt động kinh tế, tài chính, xã hội phát sinh.

h) Làm mất chứng từ gốc nhưng không báo cáo với cơ quan hoặc người có trách nhiệm để xử lý mà tự ý lập lại chứng từ không hợp lệ để thay thế.

i) Sổ kế toán được lập không có đủ chứng từ kế toán hợp lệ chứng minh.

3.2. Hình thức và mức phạt:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với các vi phạm lần thứ hai; nếu có tình tiết tăng nặng phạt đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi ghi ở điểm a, b, c, d mục 3.1 trên.

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với các vi phạm lần thứ hai; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi ghi ở điểm e, g, h, i, mục 3.1 trên.

c) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với các vi phạm lần đầu của một trong các hành vi ghi điểm a, b, mục 3.1 trên.